TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16/5/2018
V/v trAh chấp ly hôn

NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Trọng Hưng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Nguyên.**

2. Bà **Trương Thị Kim Chọn.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Kim Tuyền** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà **Phan Mỹ Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2018 Tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 794/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 119/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Trường A**, sinh năm: 1983. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: D5/35 ấp 4, xã H, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông **Huỳnh Văn T**, sinh năm: 1983. (vắng mặt)

Địa chỉ: D5/35 ấp 4, xã H, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê Thị Trường A trình bày: Bà Lê Thị Trường A và ông Huỳnh Văn T bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2003, có tổ chức đám cưới, do tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn Tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Long Mỹ (nay là Thị xã L), tỉnh Hậu Giang vào ngày 18/5/2004. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có gì xảy ra. Đến năm 2013 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T khi đi nhậu về nhà hay đập phá nhà cửa và đánh bà A. Sự việc này xảy ra nhiều lần và cho đến nay bà A không thể chịu đựng được nữa. Do vợ chồng bất đồng quan điểm và không thể tiếp tục

chung sống với nhau nên bà A và ông T đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, bà A yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà A và ông T chung sống với nhau có 02 con chung là trẻ Huỳnh Thị Yến N, sinh ngày 11/10/2004, giới tính: nữ và trẻ Huỳnh Thiên C, sinh ngày 12/10/2006, giới tính: nam. Khi ly hôn, bà A đồng ý giao trẻ N và trẻ C cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và bà A xin tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà A xác nhận không có.

Về nợ chung: Bà A xác nhận không có.

Bà A có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Huỳnh Văn T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Trường A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tai phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Lê Thị Trường A nộp đơn xin ly hôn với ông Huỳnh Văn T. Ông Huỳnh Văn T hiện nay đang cư trú tai địa chỉ D5/35 ấp 4, xã H, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời ông Huỳnh Văn T đến Tòa án để tham gia phiên tòa giải quyết vụ án nhưng ông T vẫn vắng mặt và bà Lê Thị Trường A có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà A và ông T theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Huỳnh Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên ông T đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Ông T phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu xin ly hôn, lời trình bày của bà A và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án làm chứng cứ để xem xét giải quyết vụ án.

[3] Về quan hệ vợ chồng: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 51 do Ủy ban nhân dân xã xã L, huyện Long Mỹ (nay là Thị xã L), tỉnh Hậu Giang cấp ngày 18/5/2004 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị Trường A và ông Huỳnh Văn T là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà A xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà A yêu cầu được ly hôn với ông T để mỗi người tạo dựng cuộc sống riêng.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên của bà A hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ, theo lời trình bày của bà A thì quan hệ vợ chồng của bà A và ông T đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2013, nguyên nhân là do ông T thường xuyên đập phá nhà và đánh bà A mỗi khi đi uống rượu bia về. Do vợ chồng bất đồng quan điểm và không thể tiếp tục chung sống với nhau nên bà A và ông T đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà A và ông T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Theo kết quả trả lời xác minh tình trạng hôn nhân của Ủy ban nhân dân xã H, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh có nội dung: Ông Huỳnh Văn T và bà Lê Thị Trường A trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T nghi ngờ bà A quen người đàn ông khác nên ông T thường xuyên đánh bà A nên tình cảm gia đình không còn nữa. Hiện tại bà A đã ra ngoài sống và vợ chồng sống ly thân khoảng ba năm trở lại đây. Hiện nay trẻ Huỳnh Thị Yến N và trẻ Huỳnh Thiên C đang sống chung với ông T.

Mặt khác, do ông T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để mời tham dự phiên hòa giải và tham dự phiên tòa nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện ông T không có thiện chí để Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Trường A đối với ông Huỳnh Văn T.

[4] Về con chung: Bà Lê Thị Trường A xác nhận bà và ông Huỳnh Văn T chung sống với nhau có hai con chung gồm trẻ Huỳnh Thị Yến N, sinh ngày 11/10/2004, giới tính: nữ và trẻ Huỳnh Thiên C, sinh ngày 12/10/2006, giới tính: nam. Hiện nay trẻ N và trẻ C đang sống chung với ông T nên khi ly hôn, bà A đồng ý giao trẻ N và trẻ C cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và bà A xin tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: "Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".

Tòa án đã tiến hành ghi nhận ý kiến của trẻ N, trẻ C và hai trẻ đều có nguyện vọng được sống chung với ông T.

Theo bà A thì hiện nay trẻ N và trẻ C đang sống chung với ông T và ông T có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên khi ly hôn bà A đồng ý giao trẻ N và trẻ C cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và bà A xin tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do ông T đã được Tòa án thông báo các nội dung và yêu cầu trong đơn khởi của bà A nhưng ông T vẫn không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của bà A nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết vấn đề con chung theo yêu cầu của bà A, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn, nếu sau này các đương sự có sự tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[5] Về tài sản chung: Do bà A xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[6] Về nợ chung: Do bà A xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[7] Về án phí: Bà Lê Thị Trường A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn theo quy định T Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 147, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Trường A đối với ông Huỳnh văn T.

Bà Lê Thị Trường A được ly hôn với ông Huỳnh Văn T. Giấy chứng nhận kết hôn số 51 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện Long Mỹ (nay là thị xã L), tỉnh Hậu Giang cấp ngày 18/5/2004 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao trẻ Huỳnh Thị Yến N, sinh ngày 11/10/2004, giới tính: nữ và trẻ Huỳnh Thiên C, sinh ngày 12/10/2006, giới tính: nam cho ông Huỳnh Văn T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ N và trẻ C đối với bà Lê Thị Trường A.

Bà Lê Thị Trường A có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết hai bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà Lê Thị Trường A xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Lê Thị Trường A xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Lê Thị Trường A chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà bà A đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0022361 ngày 06/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh. Bà A đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAD TP.HCM;
- VKSND huyện BC;
- Chi cục THADS huyện BC;
- UBND xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Trọng Hưng